

Số: 15 /2022/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2022

THÔNG TƯ

Quy định về tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam; Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2015 và Nghị định số 18/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi là Nghị định số 53/2013/NĐ-CP);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tái cấp vốn bằng đồng Việt Nam của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) đối với tổ chức tín dụng trên cơ sở trái phiếu đặc biệt do Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành (sau đây gọi là trái phiếu đặc biệt) theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức tín dụng Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP sở hữu trái phiếu đặc biệt (sau đây gọi là tổ chức tín dụng).
2. Tổ chức có liên quan đến việc tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt.

Điều 3. Mục đích tái cấp vốn

Ngân hàng Nhà nước tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt nhằm hỗ trợ nguồn vốn hoạt động của tổ chức tín dụng trong quá trình xử lý nợ xấu theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP.

**Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ****Điều 4. Điều kiện đối với trái phiếu đặc biệt làm cơ sở tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn**

Trái phiếu đặc biệt làm cơ sở tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Trái phiếu đặc biệt thuộc sở hữu hợp pháp của tổ chức tín dụng, đang được lưu ký tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước.
2. Không phải là trái phiếu đặc biệt đang trong quá trình thanh toán.
3. Không trong bảng kê trái phiếu đặc biệt mà tổ chức tín dụng đang đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét gia hạn thời hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi là Công ty Quản lý tài sản).
4. Tại ngày tổ chức tín dụng lập Bảng kê trái phiếu đặc biệt làm cơ sở tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn và ngày tổ chức tín dụng cập nhật Bảng kê trái phiếu đặc biệt theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Thông tư này, thời hạn còn lại của trái phiếu đặc biệt dài hơn thời hạn đề nghị tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn tối thiểu 06 tháng.

Điều 5. Điều kiện tái cấp vốn

Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Tổ chức tín dụng không trong thời gian được kiểm soát đặc biệt hoặc bị xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 15 Thông tư này.
2. Tổ chức tín dụng đã trích lập dự phòng rủi ro đối với tất cả trái phiếu đặc biệt đang sở hữu theo quy định của pháp luật hoặc văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền trong vòng 12 tháng liền kề trước ngày tổ chức tín dụng có Giấy đề nghị vay tái cấp vốn.
3. Tổ chức tín dụng tuân thủ các tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định tại khoản 1 Điều 130 Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung) và quy

định của Ngân hàng Nhà nước trong vòng 12 tháng liền kề trước ngày tổ chức tín dụng có Giấy đề nghị vay tái cấp vốn.

4. Trái phiếu đặc biệt làm cơ sở tái cấp vốn đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư này.

Điều 6. Số tiền tái cấp vốn

1. Số tiền tái cấp vốn được tính theo công thức quy định tại khoản 2 Điều này nhưng không vượt quá số tiền đề nghị vay tái cấp vốn của tổ chức tín dụng.

2. Công thức tính số tiền tái cấp vốn:

$$ST = TL \times (MG - DPRR - TN)$$

Trong đó:

ST là số tiền tái cấp vốn.

TL là tỷ lệ tái cấp vốn được xác định theo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

MG là tổng mệnh giá trái phiếu đặc biệt tại Bảng kê trái phiếu đặc biệt làm cơ sở tái cấp vốn.

DPRR là tổng số dự phòng rủi ro đã trích lập đối với trái phiếu đặc biệt tại Bảng kê trái phiếu đặc biệt làm cơ sở tái cấp vốn.

TN là tổng số tiền thu hồi nợ tại Bảng kê trái phiếu đặc biệt làm cơ sở tái cấp vốn.

Điều 7. Điều kiện gia hạn tái cấp vốn

Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định gia hạn tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Tổ chức tín dụng không trong thời gian được kiểm soát đặc biệt hoặc bị xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 15 Thông tư này.

2. Tổ chức tín dụng đã trích lập dự phòng rủi ro đối với tất cả trái phiếu đặc biệt đang sở hữu theo quy định của pháp luật hoặc văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền trong vòng 12 tháng liền kề trước ngày tổ chức tín dụng có Giấy đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn.

3. Tổ chức tín dụng gặp khó khăn về khả năng chi trả.

4. Trái phiếu đặc biệt làm cơ sở gia hạn tái cấp vốn đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư này.

5. Tổng mệnh giá trái phiếu đặc biệt làm cơ sở gia hạn tái cấp vốn phải bảo đảm:

$$MG \geq \frac{ST}{TL} + DPRR + TN$$

Trong đó:

MG là tổng mệnh giá trái phiếu đặc biệt tại Bảng kê trái phiếu đặc biệt làm cơ sở gia hạn tái cấp vốn.

ST là số tiền tổ chức tín dụng đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn.

TL là tỷ lệ gia hạn tái cấp vốn được xác định theo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

DPRR là tổng số dự phòng rủi ro đã trích lập đối với trái phiếu đặc biệt tại Bảng kê trái phiếu đặc biệt làm cơ sở gia hạn tái cấp vốn.

TN là tổng số tiền thu hồi nợ tại Bảng kê trái phiếu đặc biệt làm cơ sở gia hạn tái cấp vốn.

Điều 8. Lãi suất

1. Lãi suất tái cấp vốn, lãi suất gia hạn tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt là lãi suất cho vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt do cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP tại thời điểm khoản tái cấp vốn được giải ngân, gia hạn.

2. Lãi suất đối với nợ gốc tái cấp vốn quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn của khoản tái cấp vốn tại thời điểm khoản tái cấp vốn chuyển quá hạn.

3. Ngân hàng Nhà nước không áp dụng lãi suất đối với nợ lãi chậm trả của khoản tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt.

Điều 9. Thời hạn tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn

1. Thời hạn tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước quyết định, dưới 12 tháng và không vượt quá thời hạn còn lại của trái phiếu đặc biệt đến hạn sớm nhất trong Bảng kê trái phiếu đặc biệt làm cơ sở vay tái cấp vốn.

2. Thời gian gia hạn tái cấp vốn mỗi lần do Ngân hàng Nhà nước quyết định, không vượt quá thời hạn tái cấp vốn và không vượt quá thời hạn còn lại của trái phiếu đặc biệt đến hạn sớm nhất trong Bảng kê trái phiếu đặc biệt làm cơ sở gia hạn tái cấp vốn; tổng thời gian tái cấp vốn và gia hạn tái cấp vốn dưới 12 tháng.

Điều 10. Hồ sơ đề nghị vay tái cấp vốn, gia hạn vay tái cấp vốn

1. Hồ sơ đề nghị vay tái cấp vốn gồm:

a) Giấy đề nghị vay tái cấp vốn theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bảng kê trái phiếu đặc biệt làm cơ sở vay tái cấp vốn theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này (02 bản).

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn gồm:

a) Giấy đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bảng kê trái phiếu đặc biệt làm cơ sở gia hạn vay tái cấp vốn theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này (02 bản);

c) Báo cáo giải trình về đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn, trong đó tối thiểu có các nội dung gồm: Tình hình khó khăn về khả năng chi trả của tổ chức tín

dụng; việc đáp ứng các quy định tại Điều 7 Thông tư này của tổ chức tín dụng; biện pháp tổ chức tín dụng dự kiến áp dụng để khắc phục khó khăn về khả năng chi trả và trả nợ vay tái cấp vốn.

3. Các tài liệu trong hồ sơ đề nghị phải được lập bằng tiếng Việt, do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng ký; là bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu.

4. Tổ chức tín dụng gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hồ sơ đề nghị theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này đến trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả). Sau khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị của tổ chức tín dụng đầy đủ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước thực hiện các thủ tục về tiếp nhận, xử lý thủ tục hành chính theo quy định về giải quyết thủ tục hành chính của Ngân hàng Nhà nước.

5. Khi có sự thay đổi số liệu trái phiếu đặc biệt tại Bảng kê trái phiếu đặc biệt trong hồ sơ đề nghị, tổ chức tín dụng cập nhật và gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hồ sơ đề nghị đã được cập nhật đến trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả). Sau khi đã tiếp nhận hồ sơ đề nghị đã được cập nhật, Ngân hàng Nhà nước thực hiện kết thúc xử lý thủ tục hành chính đang xử lý và thực hiện các thủ tục về tiếp nhận, xử lý thủ tục hành chính mới. Ngân hàng Nhà nước tái sử dụng hồ sơ đề nghị, hồ sơ đề nghị đã được cập nhật trước đó (nếu có) của tổ chức tín dụng để xử lý thủ tục hành chính mới.

Điều 11. Trình tự xem xét tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn

1. Khi có nhu cầu vay tái cấp vốn hoặc gia hạn vay tái cấp vốn, tổ chức tín dụng gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị theo quy định tại Điều 10 Thông tư này. Trường hợp đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn, tổ chức tín dụng phải gửi hồ sơ đề nghị trước ngày đến hạn trả nợ tối thiểu 45 ngày làm việc. Trường hợp hồ sơ đề nghị của tổ chức tín dụng chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ) có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị.

2. Trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị của tổ chức tín dụng, Vụ Chính sách tiền tệ gửi hồ sơ lấy ý kiến Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước và Công ty Quản lý tài sản.

3. Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Vụ Chính sách tiền tệ theo quy định tại khoản 2 Điều này:

a) Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước: Có ý kiến về việc tổ chức tín dụng đáp ứng hay không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này (trường hợp tổ chức tín dụng đề nghị vay tái cấp vốn) hoặc khoản 4 Điều 7 Thông tư này (trường hợp tổ chức tín dụng đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn); Xác nhận Bảng kê số dư trái phiếu đặc biệt của tổ chức tín dụng đang lưu ký tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước làm cơ sở tái cấp vốn hoặc gia hạn tái cấp vốn theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này gửi Vụ Chính sách tiền tệ và Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng;

b) Công ty Quản lý tài sản: Có ý kiến về việc tổ chức tín dụng đáp ứng hay không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này (trường hợp tổ chức tín dụng đề nghị vay tái cấp vốn) hoặc khoản 4, 5 Điều 7 Thông tư này (trường hợp tổ chức tín dụng đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn); lập Bảng kê trái phiếu đặc biệt làm cơ sở tái cấp vốn hoặc gia hạn tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng theo Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này gửi Vụ Chính sách tiền tệ và Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

4. Trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến của Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước và Công ty Quản lý tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có ý kiến bằng văn bản gửi Vụ Chính sách tiền tệ về các nội dung:

a) Tổ chức tín dụng đáp ứng hay không đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 5 Thông tư này (trường hợp tổ chức tín dụng đề nghị vay tái cấp vốn) hoặc khoản 1, 2, 3 Điều 7 Thông tư này (trường hợp tổ chức tín dụng đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn);

b) Ý kiến cụ thể về tỷ lệ tái cấp vốn, tỷ lệ gia hạn tái cấp vốn theo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến của các đơn vị theo quy định tại khoản 3, 4 Điều này, Vụ Chính sách tiền tệ tổng hợp, căn cứ mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ đề xuất xử lý đề nghị vay tái cấp vốn hoặc gia hạn vay tái cấp vốn của tổ chức tín dụng:

a) Trường hợp đề xuất chấp thuận, Vụ Chính sách tiền tệ gửi văn bản đính kèm dự thảo Quyết định tái cấp vốn hoặc dự thảo Quyết định gia hạn tái cấp vốn lấy ý kiến Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước và Công ty Quản lý tài sản;

b) Trường hợp đề xuất không chấp thuận, Vụ Chính sách tiền tệ thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều này.

6. Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị có ý kiến của Vụ Chính sách tiền tệ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước và Công ty Quản lý tài sản có ý kiến bằng văn bản gửi Vụ Chính sách tiền tệ:

a) Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng: Có ý kiến đối với đề xuất xử lý của Vụ Chính sách tiền tệ và dự thảo Quyết định tái cấp vốn hoặc dự thảo Quyết định gia hạn tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng;

b) Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước: Cập nhật đến thời điểm gần nhất số liệu Bảng kê số dư trái phiếu đặc biệt của tổ chức tín dụng đang lưu ký tại Sở giao dịch làm cơ sở tái cấp vốn hoặc gia hạn tái cấp vốn theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này; Có ý kiến đối với dự thảo Quyết định tái cấp vốn hoặc dự thảo Quyết định gia hạn tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng;

c) Công ty Quản lý tài sản: Cập nhật đến thời điểm gần nhất Bảng kê trái phiếu đặc biệt làm cơ sở tái cấp vốn hoặc gia hạn tái cấp vốn đối với tổ chức tín

dụng theo Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này; Có ý kiến đối với dự thảo Quyết định tái cấp vốn hoặc dự thảo Quyết định gia hạn tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng.

7. Trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị đã được cập nhật theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Thông tư này, Vụ Chính sách tiền tệ gửi hồ sơ đề nghị đã được cập nhật để lấy ý kiến của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Công ty Quản lý tài sản theo quy định tại khoản 3, 4 hoặc khoản 6 Điều này.

8. Trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến của các đơn vị theo quy định tại khoản 4 hoặc khoản 6 Điều này, Vụ Chính sách tiền tệ đề xuất, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định đồng ý hoặc không đồng ý việc tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng.

9. Trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị, hồ sơ đề nghị đã được cập nhật của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 10 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước có Quyết định tái cấp vốn, Quyết định gia hạn tái cấp vốn (kèm theo Bảng kê trái phiếu đặc biệt làm cơ sở tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn) trong trường hợp đồng ý hoặc có văn bản nêu lý do gửi tổ chức tín dụng trong trường hợp không đồng ý.

Điều 12. Trả nợ vay tái cấp vốn

1. Khi khoản vay tái cấp vốn đến hạn, tổ chức tín dụng phải trả hết nợ gốc, lãi cho Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp ngày đến hạn trả nợ trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ thì thời hạn vay tái cấp vốn kéo dài đến ngày làm việc tiếp theo.

2. Tổ chức tín dụng có thể trả trước hạn một phần hoặc toàn bộ nợ vay tái cấp vốn.

3. Nợ vay tái cấp vốn của tổ chức tín dụng phải được trả trước hạn trong các trường hợp sau:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc đầu quý tiếp theo, trên cơ sở nội dung thỏa thuận trả nợ thay của Công ty Quản lý tài sản và tổ chức tín dụng trong hợp đồng mua, bán nợ bằng trái phiếu đặc biệt, Công ty Quản lý tài sản sử dụng số tiền thu hồi nợ mà tổ chức tín dụng được hưởng trong quý từ khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt đang làm cơ sở tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn để trả nợ gốc vay tái cấp vốn của tổ chức tín dụng tại Ngân hàng Nhà nước, gửi thông báo bằng văn bản cho Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng về số tiền trả nợ theo từng trái phiếu đặc biệt;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trái phiếu đặc biệt đang làm cơ sở tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn đến hạn thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản, tổ chức tín dụng phải trả trước hạn nợ (gốc và lãi) vay tái cấp vốn cho Ngân hàng Nhà nước. Số nợ gốc phải trả đối với từng trái phiếu đặc biệt được tính theo công thức sau:

$$PT_i = MG_i - DT_i$$

Trong đó:

PT_i là số nợ gốc vay tái cấp vốn phải trả đối với trái phiếu đặc biệt i ;

MG_i là mệnh giá trái phiếu đặc biệt sau khi trừ dự phòng rủi ro và số tiền thu hồi nợ (số liệu tương ứng với trái phiếu đặc biệt i tại Bảng kê trái phiếu đặc biệt kèm theo Quyết định tái cấp vốn hoặc Quyết định gia hạn tái cấp vốn);

DT_i là số nợ gốc vay tái cấp vốn đã được trả trước hạn theo quy định tại điểm a Khoản này đối với trái phiếu đặc biệt i .

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày trái phiếu đặc biệt không còn đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này, tổ chức tín dụng phải trả trước hạn nợ (gốc và lãi) vay tái cấp vốn cho Ngân hàng Nhà nước, số nợ gốc vay tái cấp vốn phải trả theo công thức quy định tại điểm b Khoản này;

d) Trường hợp tổ chức tín dụng có nhu cầu ngừng phong tỏa trái phiếu đặc biệt đang làm cơ sở tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn, tổ chức tín dụng phải trả trước hạn nợ (gốc và lãi) vay tái cấp vốn cho Ngân hàng Nhà nước, số nợ gốc vay tái cấp vốn phải trả theo công thức quy định tại điểm b Khoản này;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Công ty Quản lý tài sản về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng mua, bán nợ bằng trái phiếu đặc biệt đang làm cơ sở tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản, tổ chức tín dụng phải trả hết toàn bộ nợ gốc và lãi của khoản vay tái cấp vốn có trái phiếu đặc biệt bị đơn phương chấm dứt hợp đồng mua, bán nợ;

e) Trường hợp bị phát hiện có vi phạm theo quy định tại Điều 15 Thông tư này, tổ chức tín dụng phải trả hết nợ gốc và lãi của khoản vay tái cấp vốn có vi phạm cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản thông báo vi phạm theo quy định tại điểm c khoản 2, điểm a khoản 4 Điều 18 Thông tư này.

Điều 13. Xử lý đối với việc tổ chức tín dụng không trả nợ đúng hạn

1. Trường hợp tổ chức tín dụng không trả hết nợ đúng hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 12 hoặc không trả hết nợ theo quy định tại điểm đ, e khoản 3 Điều 12 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước và Công ty Quản lý tài sản thực hiện các biện pháp sau:

a) Ngân hàng Nhà nước chuyển khoản tái cấp vốn sang theo dõi quá hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về phương pháp tính và hạch toán thu, trả lãi trong hoạt động nhận tiền gửi và cho vay giữa Ngân hàng Nhà nước với tổ chức tín dụng; áp dụng lãi suất đối với nợ gốc tái cấp vốn quá hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này;

b) Ngân hàng Nhà nước thực hiện trích tài khoản của tổ chức tín dụng tại Ngân hàng Nhà nước bắt đầu từ ngày làm việc liền kề tiếp theo ngày chuyển

sang theo dõi quá hạn đến khi thu hồi hết số nợ gốc và lãi tổ chức tín dụng phải trả và có văn bản thông báo cho tổ chức tín dụng về việc trích tài khoản để thu hồi nợ;

c) Công ty Quản lý tài sản sử dụng số tiền thu hồi nợ mà tổ chức tín dụng được hưởng từ các khoản nợ xấu mua bằng trái phiếu đặc biệt để trả nợ vay tái cấp vốn của tổ chức tín dụng cho Ngân hàng Nhà nước;

d) Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức tín dụng trả nợ từ nguồn khác (nếu có).

2. Trường hợp tổ chức tín dụng không trả số tiền phải trả theo quy định tại điểm b, c khoản 3 Điều 12 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước và Công ty Quản lý tài sản thực hiện các biện pháp sau:

a) Ngân hàng Nhà nước áp dụng lãi suất bằng 150% lãi suất đang áp dụng đối với khoản tái cấp vốn trên số nợ gốc không trả đúng quy định trong khoảng thời gian từ ngày tiếp theo ngày tổ chức tín dụng phải trả đến ngày tổ chức tín dụng trả hết số nợ gốc không trả đúng theo quy định;

b) Ngân hàng Nhà nước thực hiện trích tài khoản của tổ chức tín dụng tại Ngân hàng Nhà nước bắt đầu từ ngày làm việc liền kề tiếp theo ngày tổ chức tín dụng phải trả theo quy định đến khi thu hồi hết số tiền tổ chức tín dụng phải trả và có văn bản thông báo cho tổ chức tín dụng về việc trích tài khoản để thu hồi nợ;

c) Công ty Quản lý tài sản sử dụng số tiền thu hồi nợ mà tổ chức tín dụng được hưởng từ các khoản nợ xấu mua bằng trái phiếu đặc biệt để trả nợ vay tái cấp vốn của tổ chức tín dụng cho Ngân hàng Nhà nước;

d) Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức tín dụng trả nợ từ nguồn khác (nếu có).

Điều 14. Chuyển khoản tái cấp vốn thành khoản cho vay đặc biệt

Việc chuyển khoản tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt thành khoản cho vay đặc biệt thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

Điều 15. Xử lý vi phạm

Trường hợp nhận được thông tin từ cơ quan có thẩm quyền hoặc qua công tác thanh tra, giám sát phát hiện tổ chức tín dụng cung cấp thông tin, số liệu không chính xác tại hồ sơ đề nghị vay tái cấp vốn, gia hạn vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước không xem xét đề nghị vay tái cấp vốn, gia hạn vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của tổ chức tín dụng trong thời gian 01 năm tiếp theo kể từ ngày có văn bản thông báo vi phạm theo quy định tại điểm c khoản 2, điểm a khoản 4 Điều 18 Thông tư này và ngừng giải ngân theo tất cả Quyết định tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt (nếu có).

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG VÀ CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng

1. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác cho Ngân hàng Nhà nước các hồ sơ, tài liệu về việc tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các hồ sơ, tài liệu đã cung cấp.

2. Trong thời gian đề nghị vay tái cấp vốn, đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn, trường hợp không còn nhu cầu vay tái cấp vốn, gia hạn vay tái cấp vốn, tổ chức tín dụng có văn bản báo cáo kịp thời Ngân hàng Nhà nước (qua Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả) để Ngân hàng Nhà nước dùng xem xét, xử lý tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn.

3. Thực hiện ký hợp đồng tái cấp vốn với Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt đối với tổ chức tín dụng.

4. Trả nợ vay tái cấp vốn theo quy định tại Thông tư này và hợp đồng tái cấp vốn.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày trả nợ vay tái cấp vốn trước hạn theo quy định tại điểm b, c, d khoản 3 Điều 12 Thông tư này, báo cáo theo Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước.

6. Thực hiện các trách nhiệm quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 17. Trách nhiệm của Công ty Quản lý tài sản

1. Có ý kiến về việc tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt theo quy định tại Thông tư này.

2. Theo dõi các trái phiếu đặc biệt làm cơ sở tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn trên cơ sở danh mục trái phiếu đặc biệt do Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước gửi theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 18 Thông tư này; cung cấp cho Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước các thông tin để theo dõi các trường hợp trả trước hạn nợ vay tái cấp vốn của tổ chức tín dụng quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 3 Điều 12 Thông tư này.

3. Thực hiện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 12, điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 13 Thông tư này.

4. Đầu mỗi phối hợp với tổ chức tín dụng và các đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp xử lý nợ, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt để trả nợ vay tái cấp vốn của tổ chức tín dụng cho Ngân hàng Nhà nước.

5. Thông báo bằng văn bản cho Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh các trường hợp: Công ty Quản lý tài sản đơn phương chấm dứt hợp đồng mua, bán nợ bằng trái phiếu đặc biệt đang làm cơ sở tái cấp vốn, gia hạn

tái cấp vốn; trái phiếu đặc biệt đang làm cơ sở tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn đến hạn thanh toán hoặc không còn đủ điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này.

Điều 18. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Vụ Chính sách tiền tệ

a) Đầu mỗi trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định việc tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt theo quy định tại Thông tư này;

b) Đầu mỗi xử lý các vướng mắc phát sinh liên quan đến quy định tại Thông tư này;

c) Phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về mức lãi suất tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt để trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP.

2. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng

a) Có ý kiến về việc tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt theo quy định tại Thông tư này;

b) Đầu mỗi, phối hợp với các đơn vị liên quan trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc thực hiện quy định tại điểm d khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 13 Thông tư này;

c) Trường hợp nhận được thông báo từ cơ quan có thẩm quyền hoặc qua công tác thanh tra, giám sát phát hiện tổ chức tín dụng thuộc đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng vi phạm quy định tại Điều 15 Thông tư này, Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản thông báo vi phạm gửi tổ chức tín dụng, đồng thời gửi Vụ Chính sách tiền tệ, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước và Công ty Quản lý tài sản; văn bản thông báo vi phạm tối thiểu có nội dung về việc vi phạm của tổ chức tín dụng và biện pháp xử lý của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Thông tư này;

d) Thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với tổ chức tín dụng thuộc đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này.

3. Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước

a) Có ý kiến về việc tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt theo quy định tại Thông tư này;

b) Ký hợp đồng tái cấp vốn, thực hiện phong tỏa trái phiếu đặc biệt làm cơ sở tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn, giải ngân, gia hạn, thu hồi nợ tái cấp vốn theo quy định tại Thông tư này, Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt đối với tổ chức tín dụng và quy định của pháp luật có liên quan;

c) Thực hiện các biện pháp quy định tại điểm a, b khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 13 Thông tư này;

d) Ngừng phong tỏa toàn bộ trái phiếu đặc biệt trong Bảng kê trái phiếu đặc biệt kèm theo Quyết định tái cấp vốn, Quyết định gia hạn tái cấp vốn sau khi tổ chức tín dụng đã trả hết nợ gốc, lãi của khoản vay tái cấp vốn. Ngừng phong tỏa trái phiếu đặc biệt tương ứng sau khi tổ chức tín dụng đã trả nợ (gốc và lãi) vay tái cấp vốn với trái phiếu đặc biệt theo quy định tại điểm b, c, d khoản 3 Điều 12 Thông tư này;

đ) Gửi Công ty Quản lý tài sản danh mục trái phiếu đặc biệt đã được phong tỏa, ngừng phong tỏa trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày phong tỏa, ngừng phong tỏa trái phiếu đặc biệt; Thông báo bằng văn bản cho Công ty Quản lý tài sản về việc tổ chức tín dụng không trả nợ vay tái cấp vốn theo quy định tại điểm b, c, đ, e khoản 3 Điều 12 Thông tư này để Công ty Quản lý tài sản thực hiện quy định tại điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 13 Thông tư này;

e) Trong thời hạn 07 ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo của tháng có dư nợ hoặc phát sinh thay đổi về khoản tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đồng thời gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Chính sách tiền tệ số liệu tái cấp vốn theo Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố:

a) Trường hợp nhận được thông báo từ cơ quan có thẩm quyền hoặc qua công tác thanh tra, giám sát phát hiện tổ chức tín dụng thuộc đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố vi phạm quy định tại Điều 15 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản thông báo vi phạm gửi tổ chức tín dụng, đồng thời gửi Vụ Chính sách tiền tệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước và Công ty Quản lý tài sản; văn bản thông báo vi phạm tối thiểu có nội dung về việc vi phạm của tổ chức tín dụng và biện pháp xử lý của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Thông tư này;

b) Thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với tổ chức tín dụng thuộc đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này.

5. Cục Công nghệ thông tin:

a) Đầu mối, phối hợp với Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước và các đơn vị liên quan thiết kế xây dựng chương trình phần mềm, cài đặt chương trình phần mềm và đảm bảo hạ tầng mạng máy tính cho nghiệp vụ tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt đối với tổ chức tín dụng hoạt động ổn định, thông suốt, an toàn và bảo mật;

b) Hướng dẫn tổ chức tín dụng kết nối mạng với Ngân hàng Nhà nước để thực hiện giao dịch tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ~~17~~ tháng ~~01~~ năm ~~2023~~.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Thông tư số 18/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 10 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam hết hiệu lực thi hành.

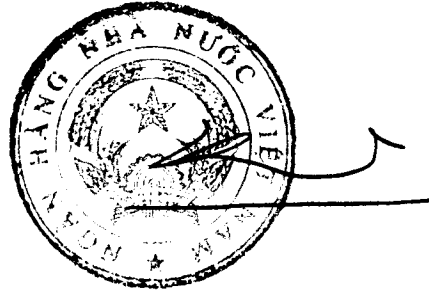
Điều 20. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; Công ty Quản lý tài sản và tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này. *PC*

Nơi nhận:

- Như Điều 20;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử NHNN;
- Lưu: VP, Vụ PC, Vụ CSTT. *W*

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC



Phạm Thanh Hà